

Môi trường lãi suất thấp vẫn sẽ là trợ lực chính cho thị trường không chỉ trong tháng Bảy mà còn trong nửa cuối năm nay, khi mà các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng tới 1 năm từ thời điểm lãi suất tiền gửi đạt đỉnh hồi cuối năm 2022 sẽ dần đáo hạn và tìm kiếm các kênh đầu tư mới có lợi suất cao hơn như thị trường chứng khoán (TTCK).

Tâm điểm về thông tin trong tháng sẽ là mùa báo cáo KQKD Q2. Cho kỳ này, chúng tôi cho rằng bức tranh tăng trưởng lợi nhuận của toàn thị trường vẫn còn tương đối ảm đạm, với mức LN của quý này dự báo sẽ giảm khoảng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng xu hướng tăng trưởng YoY của sàn HOSE có thể đã tạo đáy từ Q4-2022 và sẽ bắt đầu tăng trở lại kể từ Q2-2023. Lợi nhuận của toàn thị trường trong quý này dự báo sẽ được dẫn dắt bởi các ngành Ngân hàng, Tài chính, CNTT, Dược phẩm, và Dầu khí, trong khi các ngành Nguyên vật liệu, Hàng tiêu dùng, Tiện ích, Công nghiệp là sẽ tiếp tục ghi nhận mức giảm hai chữ số.

Với kỳ vọng về thanh khoản của TTCK và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận YoY cải thiện trong nửa cuối năm, chúng tôi tin rằng xu hướng chính của thị trường sẽ nâng lên mức tăng nhẹ so với xu hướng đi ngang trong nửa đầu năm nay. **Cho tháng Bảy, vùng dao động kỳ vọng của VN Index là 1.090 – 1.170.**

Rủi ro giảm của thị trường nhiều khả năng sẽ bị chi phối bởi (1) diễn biến bất lợi của tỷ giá, trong bối cảnh chênh lệch lãi suất qua đêm của đồng VNĐ và USD đang rất lớn và khả năng cao Fed sẽ tiếp tục nâng mức lãi suất quỹ liên bang thêm 25 bps trong kỳ họp tháng Bảy này khi chỉ số lạm phát lõi (Core PCE) của Mỹ trong tháng Năm vẫn chưa giảm như kỳ vọng, và (2) lợi nhuận của một số cổ phiếu vốn hóa lớn không đạt kỳ vọng.

Trong BCCL tháng Sáu, chúng tôi cũng đồng thời khuyến nghị quý NĐT tích lũy các cổ phiếu đầu ngành thuộc nhóm VN30 và VNMID cho mục tiêu đầu tư trung – dài hạn (là những cổ phiếu thuộc danh sách cổ phiếu ưa thích cho năm 2023 và đề xuất một số ý tưởng đầu tư ngắn hạn nhằm đón đầu KQKD Q2 tích cực, bao gồm Điện (HND, QTP), Ngân hàng (ACB, MBB), dệt may (STK), dầu khí (PVD), và hàng không (ACV). Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm này. Câu chuyện về KQKD Q2/2023 sẽ tiếp tục sôi động trong tháng Bảy khi các thông tin ước tính và chính thức lần lượt được công bố. **Trong tháng Bảy, chúng tôi bổ sung thêm hai ý tưởng đầu tư mới, thuộc nhóm ngành hàng tiêu dùng và ngân hàng, là VNM và OCB.**



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

Bùi Đăng Cát Khánh

khanh.bdc@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG SÁU: SỰ TRỞ LẠI CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG BẢY: XU HƯỚNG CHÍNH ĐANG DẪN THAY ĐỔI	10
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG BẢY: LINH HOẠT THEO DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN	14
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	17

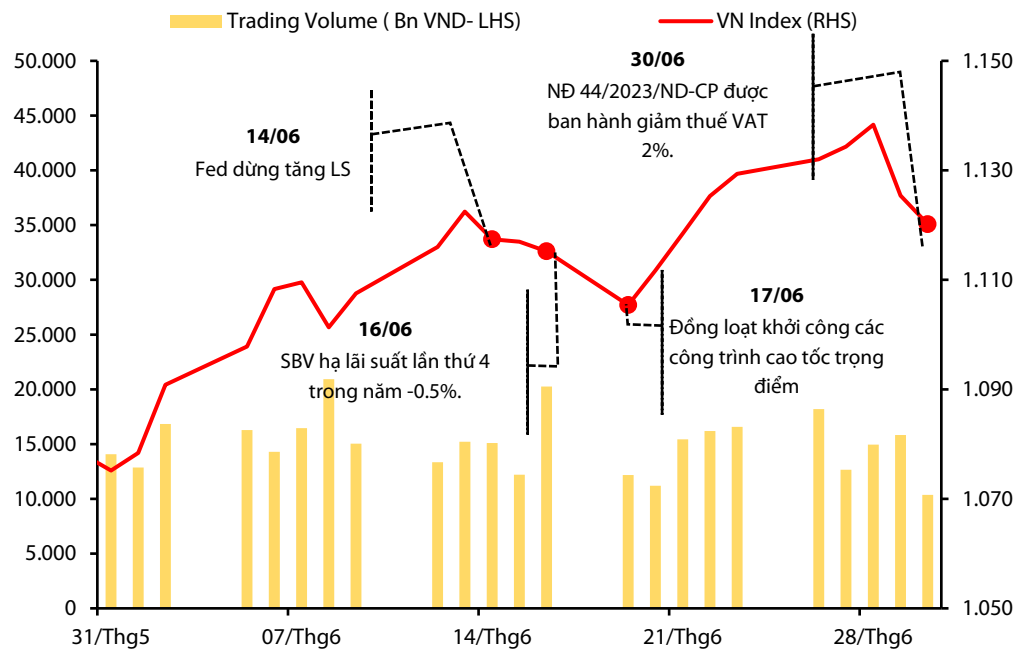
55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG SÁU: SỰ TRỞ LẠI CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN

Trong tháng Sáu, xu hướng điều hòa trong điều hành chính sách tiền tệ bắt đầu có dấu hiệu sẽ dừng lại trong thời gian tới dựa trên các dữ liệu kinh tế. Tại Mỹ, lạm phát tiếp tục giảm mạnh, FED ngừng tăng lãi suất sau 10 lần tăng liên tiếp giúp S&P500 ghi nhận tháng tăng mạnh nhất kể từ đầu năm đến nay. Tuy nhiên, FED sau đó đã đưa ra ẩn ý rằng không loại trừ khả năng sẽ có thêm 2 đợt tăng lãi suất nữa trong năm nhằm ổn định kỳ vọng của nền kinh tế. Tại Châu Âu, mặc dù đối mặt với kết quả suy thoái trong Q1/2023, nhưng các ngân hàng trung ương bao gồm (ECB, BoA, Na Uy, Thụy Sĩ) vẫn tiếp tục tăng lãi suất để duy trì áp lực đối lạm phát cao đang có xu hướng giảm. Cam kết thực hiện chính sách tiền tệ siêu nới lỏng, trong khi các ngân hàng trung ương lớn khác thắt chặt, kết hợp với mức định giá hấp dẫn đã giúp chứng khoán Nhật Bản tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp. Trong khi đó, chứng khoán Trung Quốc tăng vọt sau khi PBOC giảm lãi suất cơ sở cho vay trung hạn, mặc dù sau đó thị trường nước này đã điều chỉnh, thừa nhận những lo ngại về hiệu quả của các biện pháp kích thích, cũng như triển vọng kinh tế suy yếu.

Trong nước, TTCK Việt Nam chứng kiến tháng tăng trưởng tốt nhất kể từ tháng Ba nhờ các nỗ lực liên tục của cơ quan chức năng trong việc đưa ra các biện pháp tài khóa và tiền tệ nhằm kích thích nền kinh tế, qua đó gián tiếp kích thích kỳ vọng của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân. Các biện pháp bao gồm việc hạ lãi suất chính sách lần thứ 4 trong năm 2023, đánh dấu chu kỳ hạ lãi suất nhanh nhất trong những năm gần đây. Ngoài ra, giảm 2% thuế VAT, giảm 50% lệ phí trước bạ cho ô tô trong nước và đồng loạt khởi động các dự án đường cao tốc quốc gia là những biện pháp tài khóa đáng chú ý thể hiện quyết tâm của Chính phủ nhằm đẩy nhanh việc hoàn thành kế hoạch đặt ra cho năm 2023.

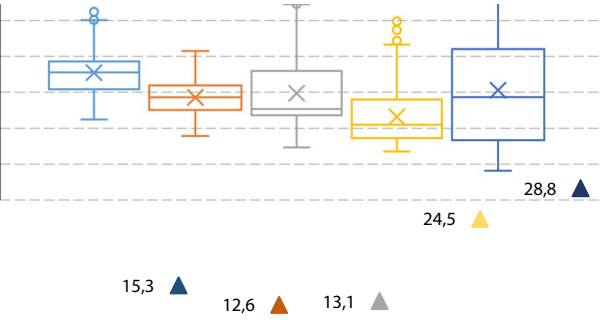
Hình 1: VN Index, Tháng 06/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

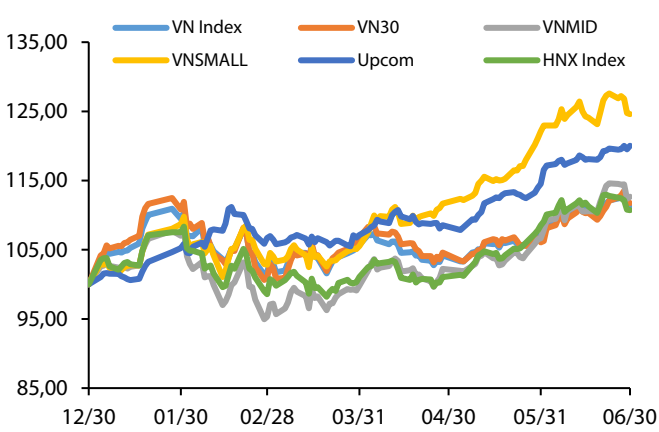
Theo đó, các ngành được hưởng lợi bùng nổ (như Vật liệu, Ngân hàng, Tiêu dùng không thiết yếu) giúp VN Index tăng 4,19% và đóng cửa ở mức 1.120,18. Cụ thể hơn, VNDMID (5,63%) và VN30 (5,33%) dẫn đầu hỗ trợ VN Index, trong khi đà tăng của VNSMALL đã chậm lại với mức tăng 2,03% so với tháng trước đó.

Hình 2: Nhóm VNSMALL nằm ngoài vùng dữ liệu định giá 5 năm



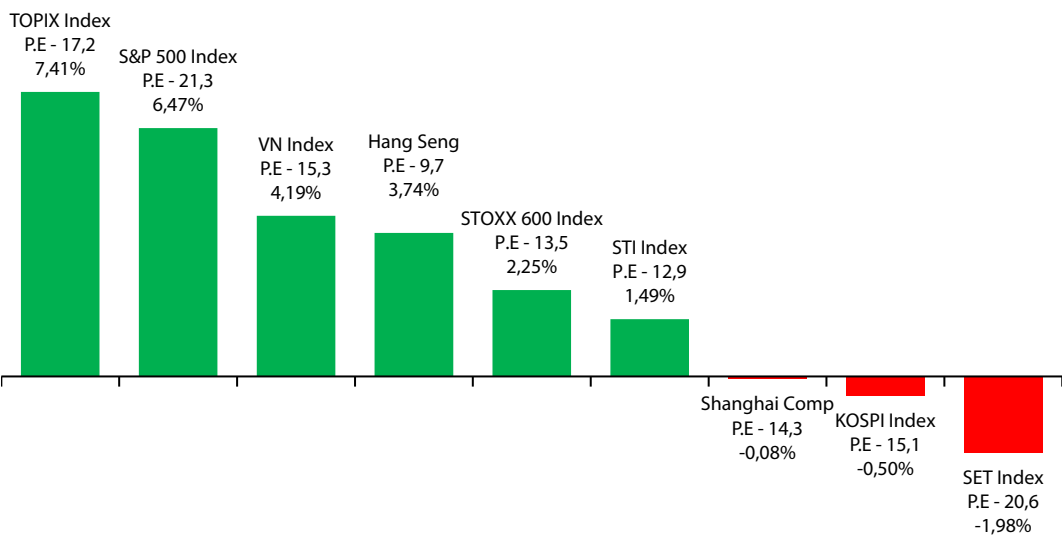
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt
X: P/E trung bình 5 năm
▲: P/E hiện tại (thời điểm 30/06/2023)

Hình 3: Nhóm cổ phiếu đầu cơ đang có hiệu suất vượt trội kể từ đầu năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

Hình 4: Diễn biến các chỉ số toàn cầu – VN Index vẫn nằm trong top đầu



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

Bảng 1: Thanh khoản theo ngày của các nhóm chỉ số chứng khoán trong các tháng (Tỷ đồng)
-Sự bùng nổ diễn ra trên các sàn với mức tăng ~40% so với tháng trước

	VN Index	VN30	VN MID	VN SMALL	Upcom	HNX Index
Thg6-23	15,002	5,283	7,203	1,989	751	1,751
Thg5-23	10,278	3,349	5,006	1,566	533	1,449
Thg4-23	9,764	3,502	4,573	1,459	427	1,252
Thg3-23	7,900	3,480	3,309	933	273	828
Thg2-23	8,520	3,570	3,519	1,175	391	1,038
Thg1-23	8,883	3,835	3,656	1,080	391	914
Thg12-22	11,993	5,434	4,915	1,339	407	1,254
Thg11-22	9,850	4,647	3,947	1,056	349	842
Thg10-22	9,253	3,646	4,042	1,252	404	883
Thg9-22	11,772	3,737	5,660	1,838	581	1,300
Thg8-22	14,041	4,810	6,451	2,248	825	1,763
Thg7-22	10,230	3,659	4,508	1,343	675	1,143

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

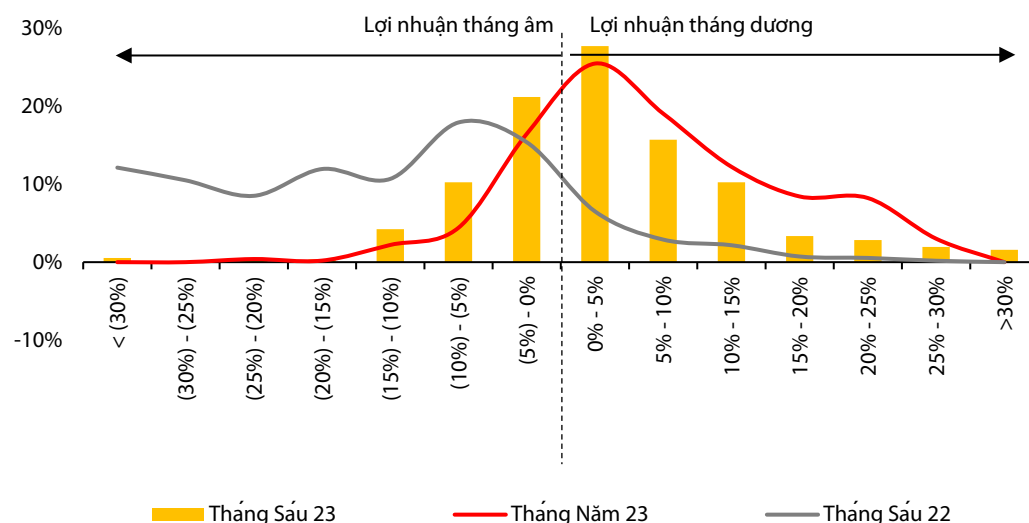
Bảng 2: GTGD theo tháng giữa các nhóm NĐT (Tỷ đồng) – Sự tăng tốc của nhóm NĐT cá nhân dẫn dắt cho sự bùng nổ thanh khoản của thị trường trong tháng 6.

	NĐT Cá Nhân	NĐT Tổ chức	NĐT Nước ngoài	Tổng GTGD
Thg6-23	635,837	55,083	57,129	374,025
Thg5-23	419,867	34,698	36,431	245,498
Thg4-23	378,498	30,376	38,436	223,655
Thg3-23	338,681	31,689	55,419	212,895
Thg2-23	319,763	33,317	51,789	202,435
Thg1-23	277,839	25,203	37,812	170,427
Thg12-22	505,408	52,863	67,613	312,942
Thg11-22	394,191	46,354	71,818	256,181
Thg10-22	392,557	40,981	53,646	243,592
Thg9-22	468,017	34,736	39,055	270,904
Thg8-22	633,670	47,664	42,780	362,057
Thg7-22	418,606	32,856	38,642	245,052

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Tâm lý tích cực tiếp tục lan tỏa trên thị trường khi sự phân bổ mức sinh lời của các cổ phiếu tập trung ở vùng bên phải. 63% cổ phiếu chứng kiến lợi nhuận tích cực trong tháng. Nhìn chung, tâm lý thị trường tiếp tục duy trì động lực như tháng Năm, tuy nhiên lại có ít cổ phiếu chứng kiến mức lợi nhuận lớn hơn 15%.

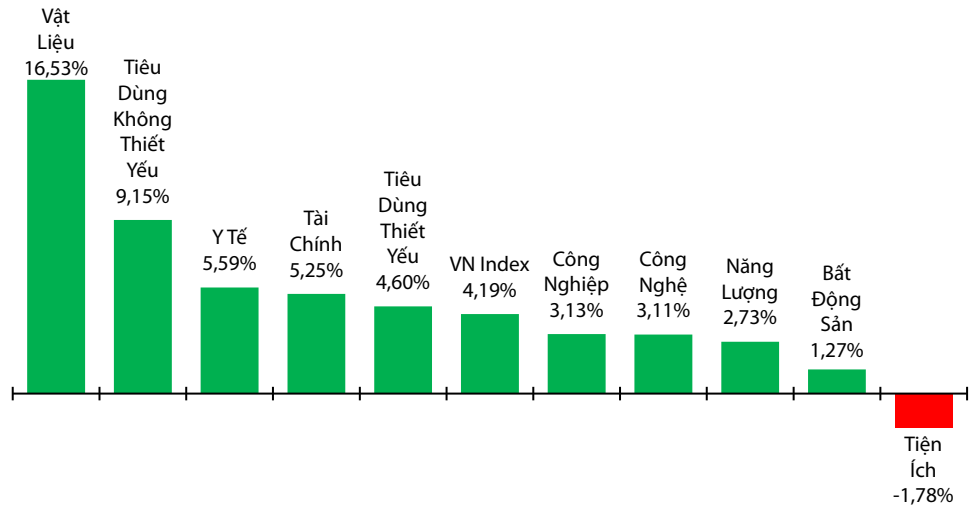
Hình 5: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

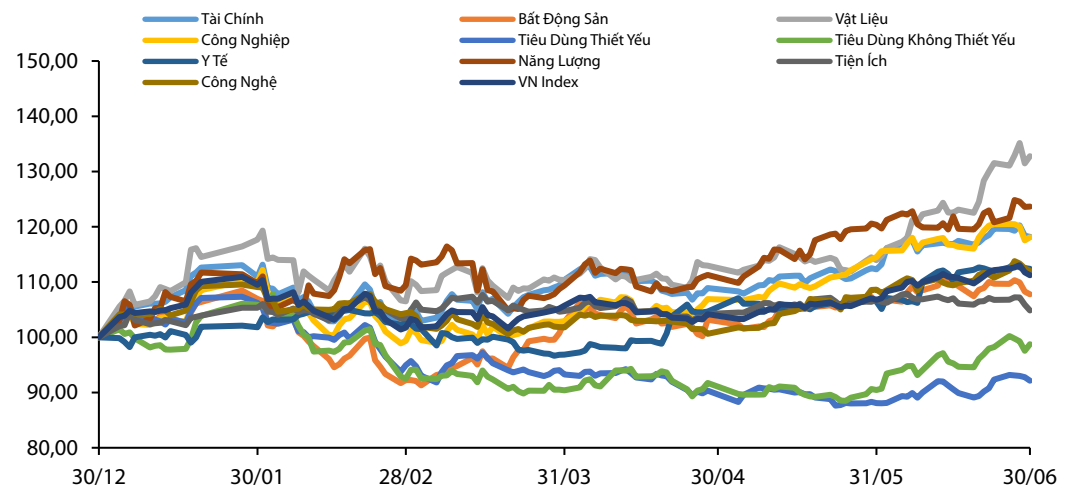
Trong số các nhóm ngành dựa trên chuẩn GICS, có 9 ngành ghi nhận lợi nhuận dương, trong đó 5/10 ngành có kết quả tốt vượt trội VN Index. **Nguyên vật liệu (+16,53%)** dẫn đầu nhóm tăng trong tháng và cũng bứt phá nhanh chóng để bỏ xa các ngành khác về mặt lợi nhuận từ đầu năm (hình 7), **HPG (+23,35%)**, **GVR (+6,59%)**, **DGC (+19,03%)** là những cổ phiếu đóng góp chính vào hiệu suất của ngành Nguyên vật liệu. Trong khi đó, **Tiền ích (-1,78%)** điều chỉnh và cũng là nhóm giảm duy nhất trong tháng.

Hình 6: Suất sinh lời các nhóm ngành trong Tháng 06/2023 – Nhóm nguyên vật liệu bất tốc



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

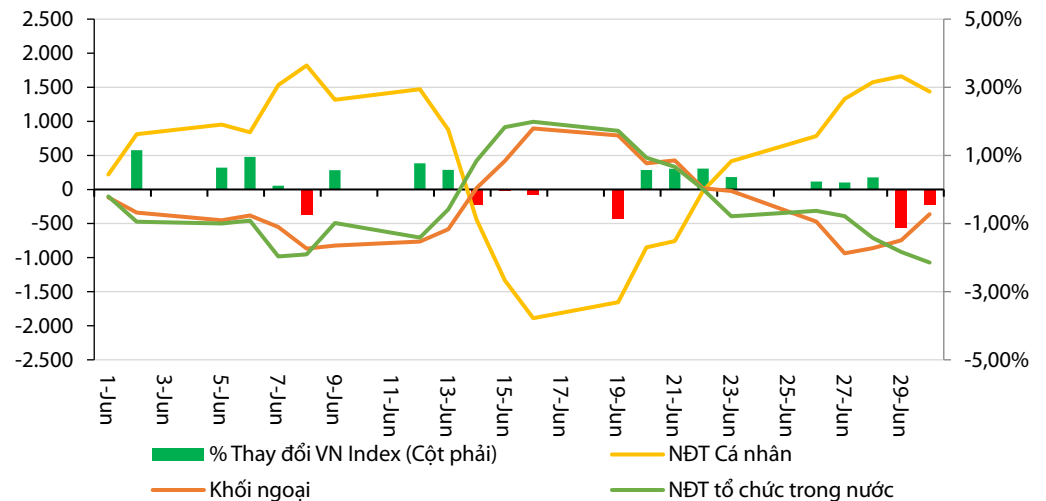
Hình 7: Diễn biến các nhóm ngành trong từ đầu năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư - Sự chênh lệch vị thế thu hẹp lại

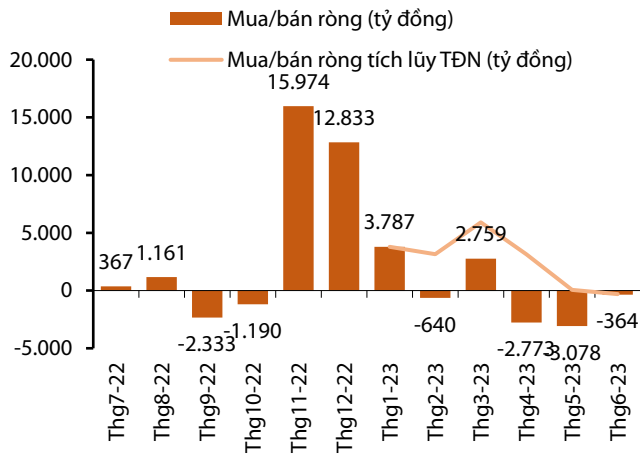
Hình 8: Diễn biến vị thế ròng giữa các nhóm NĐT trong tháng 06/2023 (Tỷ đồng) – Dòng tiền NĐT cá nhân hầu như kiểm soát diễn biến hầu hết các phiên giao dịch trong tháng



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Giá trị mua ròng của **Nhà đầu tư cá nhân** thu hẹp về 1.436 tỷ đồng. Vị thế mua ròng từ đầu năm tăng lên +7.938 tỷ đồng. Ngoài ra, hình 10 thể hiện tóm tắt danh sách các cổ phiếu đáng chú ý đã được giao dịch bởi các nhà đầu tư cá nhân trong nước.

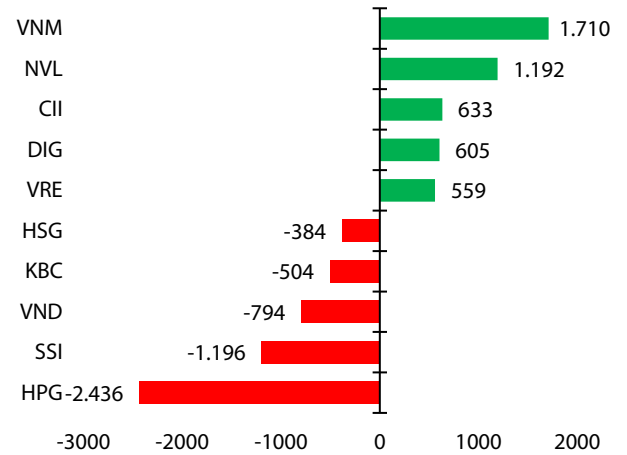
Hình 9 : Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của nhà đầu tư cá nhân trong nước YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

TĐN: Từ đầu năm

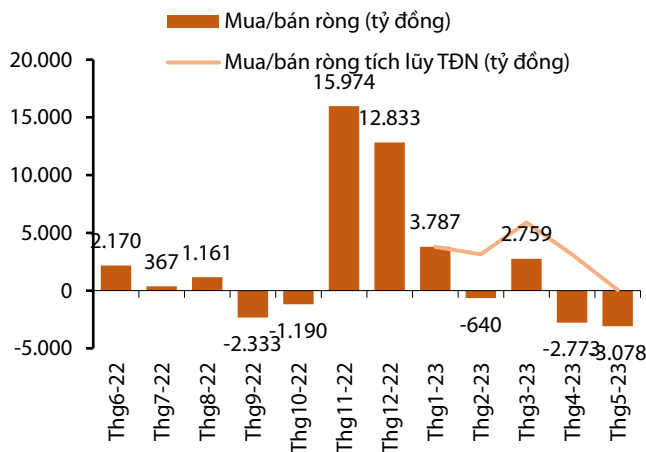
Hình 10: Danh sách các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong Tháng 06/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

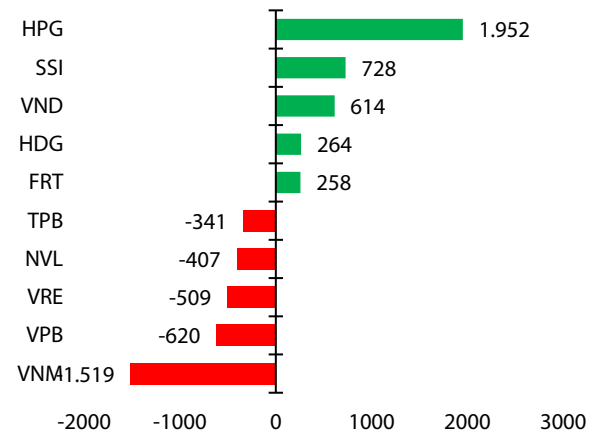
Khối ngoại ghi nhận giá trị bán ròng khiêm tốn 364 tỷ đồng và khiến vị thế ròng từ đầu năm của nhóm này rơi xuống dưới vùng bán -308 tỷ đồng. Tài nguyên cơ bản và Dịch vụ tài chính là hai nhóm ngành hút ròng nhiều nhất (bảng 3).

Hình 11: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của khối ngoại YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 12: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 06/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 3: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Tài nguyên Cơ bản	2,191	92,273
Dịch vụ tài chính	1,455	59,642
Bán lẻ	317	5,305
Xây dựng và Vật liệu	55	193
Y tế	31	515
Dầu khí	25	1,567
Viễn thông	0	0
Truyền thông	-1	-143
Ô tô và phụ tùng	-15	-1,527
Du lịch và Giải trí	-97	-540
Bảo hiểm	-110	-3,758
Hàng cá nhân & Gia dụng	-113	-1,866
Công nghệ Thông tin	-144	-6,143
Hóa chất	-186	-4,925
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-206	-8,418
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-208	-7,426
Bất động sản	-572	-32,628
Ngân hàng	-1,230	-48,343
Thực phẩm và đồ uống	-1,617	-26,392

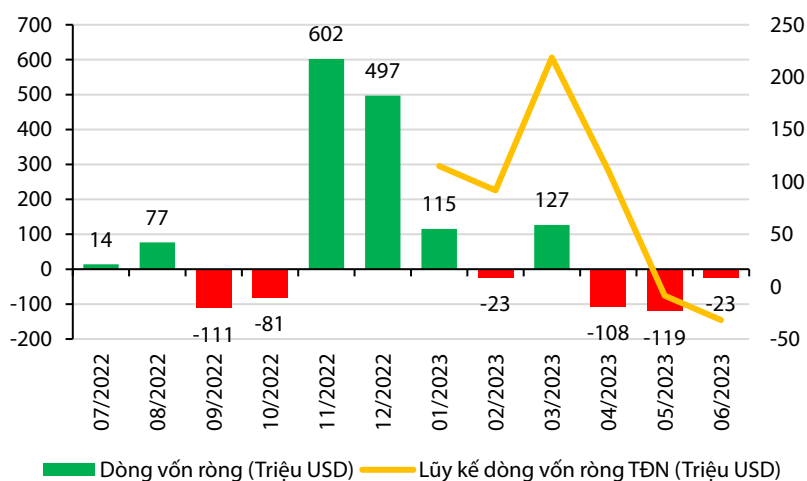
Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Trong tháng Sáu, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến dòng vốn ngoại rút ròng khiêm tốn ở mức 23 triệu USD, giúp mở rộng vị thế ròng lũy kể từ đầu năm đến - 32 triệu USD, tuy nhiên con số này vẫn không đáng kể so với các nước ASEAN khác bao gồm Thái Lan (-263 triệu USD), Malaysia (-263 triệu USD), Malaysia (-291 triệu USD) và Indonesia (-293 triệu USD).

Bảng 4: Dòng vốn đầu tư danh mục nước ngoài vào thị trường chứng khoán – Nhóm ASEAN bị hút ròng mạnh

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Nhật Bản	13,860	66,075	45,533
Ấn độ	5,273	12,204	9,722
Đài Loan	625	3,277	11,247
Hàn Quốc	292	292	8,236
Philippines	97	51	-467
Sri Lanka	-1	1	2
Việt Nam	-23	-251	-32
Thái Lan	-263	-1,461	-3,107
Maylaysia	-291	-506	-929
Indonesia	-293	645	1,090

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
3thg: Từ đầu quý
TĐN: Từ đầu năm

Hình 13: Diễn biến dòng vốn nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam - Dòng vốn nước ngoài rút ròng giảm nhẹ trong tháng 6

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

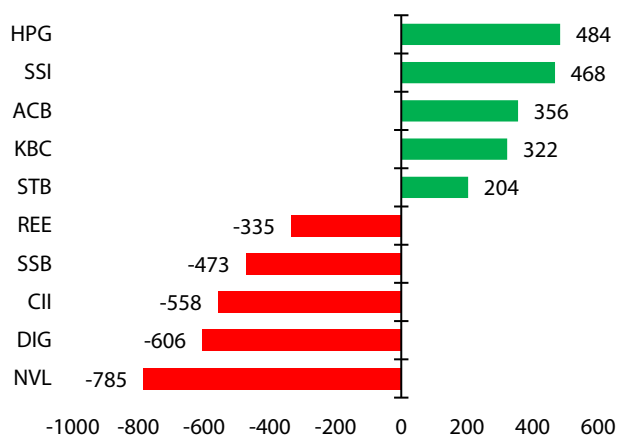
Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF – Áp lực hút ròng vẫn áp đảo

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3,986	-5.62	20.45	204.17
ETFs ngoại	2,615	-3.53	42.78	206.35
VanEck Vectors Vietnam ETF	548	11.89	-18.08	76.26
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	363	7.27	12.45	67.98
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	154	4.10	1.50	-43.71
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.00
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.00	0.00	0.30
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.00	0.00	1.29
Fubon FTSE Vietnam ETF	864	-0.98	5.25	93.83
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	654	-25.80	-73.86	59.71
ETFs nội	1,371	-2.09	-22.33	-2.18
KIM GROWTH VN30 ETF	3	3.32	3.32	3.32
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF	3	3.32	3.32	3.32
SSIAM VNFIN LEAD ETF	164	1.38	(1.21)	(0.02)
SSIAM VN30 ETF	4	0.12	0.51	0.73
DCVFMVN Diamond ETF	809	-	-	-
SSIAM VNX50 ETF	6	-	-	(0.46)
VinaCapital VN100 ETF	4	-	-	-
DCVFM VN MIDCAP ETF	4	-	-	-
MAFN VN30 ETF	26	(0.16)	(0.11)	(0.37)
DCVFMVN30 ETF Fund	347	(10.06)	(28.16)	(8.71)

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

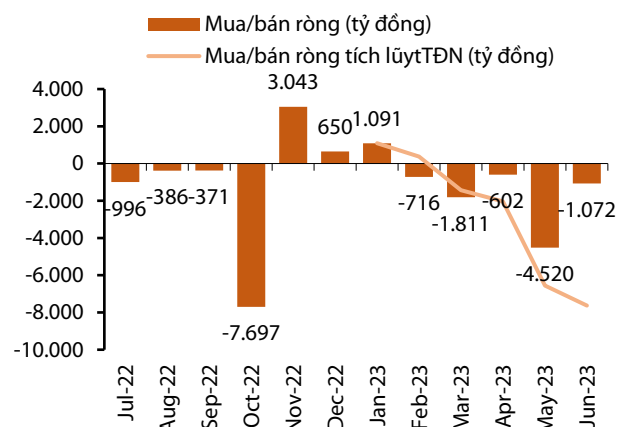
Nhà đầu tư tổ chức trong nước kéo dài áp lực bán trong tháng Sáu với giá trị rút ròng ít hơn đạt 1.072 tỷ đồng và đánh dấu vị thế bán ròng lũy kế từ đầu năm lên 7.629 tỷ đồng. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất bởi các nhà đầu tư tổ chức trong nước được hiển thị tại hình 14.

Hình 14: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 06/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 15: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Xu hướng chính đang dần thay đổi

Trong tháng Sáu, việc hạ lãi suất điều hành của SBV cùng với sự dịch chuyển của dòng tiền sang cổ phiếu vốn hóa lớn trước thềm mùa báo cáo KQKD Q2 đã đẩy tâm lý giao dịch của thị trường lên cao trào. Diễn biến có phần bất ngờ từ SBV đã giúp thị trường thiết lập mức đỉnh ngắn hạn mới cao hơn so mức đỉnh kỳ vọng hồi đầu tháng của chúng tôi – 1.120.

Môi trường lãi suất thấp vẫn sẽ là trợ lực chính cho thị trường không chỉ trong tháng Bảy mà còn trong nửa cuối năm nay, khi mà các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng tới 1 năm từ thời điểm lãi suất tiền gửi đạt đỉnh hồi cuối năm 2022 sẽ dần đáo hạn và tìm kiếm các kênh đầu tư mới có lợi suất cao hơn như thị trường chứng khoán (TTCK).

Tâm điểm về thông tin trong tháng sẽ là mùa báo cáo KQKD Q2. Cho kỳ này, chúng tôi cho rằng bức tranh tăng trưởng lợi nhuận của toàn thị trường vẫn còn tương đối ảm đạm, với mức LN của quý này dự báo sẽ giảm khoảng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng xu hướng tăng trưởng YoY của sàn HOSE có thể đã tạo đáy từ Q4-2022 và sẽ bắt đầu tăng trở lại kể từ Q2-2023. Lợi nhuận của toàn thị trường trong quý này dự báo sẽ được dẫn dắt bởi các ngành Ngân hàng, Tài chính, CNTT, Dược phẩm, và Dầu khí, trong khi các ngành Nguyên vật liệu, Hàng tiêu dùng, Tiện ích, Công nghiệp là sẽ tiếp tục ghi nhận mức giảm hai chữ số.

Với kỳ vọng về thanh khoản của TTCK và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận YoY cải thiện trong nửa cuối năm, chúng tôi tin rằng xu hướng chính của thị trường sẽ nâng lên mức tăng nhẹ so với xu hướng đi ngang trong nửa đầu năm nay. **Cho tháng Bảy, vùng dao động kỳ vọng của VN Index là 1.090 – 1.170.**

Rủi ro giảm của thị trường nhiều khả năng sẽ bị chi phối bởi (1) diễn biến bất lợi của tỷ giá, trong bối cảnh chênh lệch lãi suất qua đêm của đồng VNĐ và USD đang rất lớn và khả năng cao Fed sẽ tiếp tục nâng mức lãi suất quỹ liên bang thêm 25 bps trong kỳ họp tháng Bảy này khi chỉ số lạm phát lõi (Core PCE) của Mỹ trong tháng Năm vẫn chưa giảm như kỳ vọng, và (2) lợi nhuận của một số cổ phiếu vốn hóa lớn không đạt kỳ vọng.

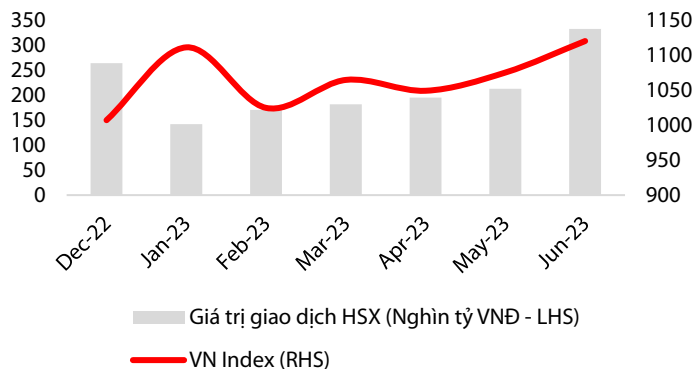
Thanh khoản của TTCK tiếp tục tăng trong nửa cuối năm 2023.

Diễn biến hạ lãi suất điều hành của SBV trong tháng Sáu đã kích thích tâm lý giao dịch của thị trường. Giá trị khớp lệnh trên HOSE tăng 56% MoM, tương đương với mức tháng 8-2022 – thời điểm các biến cố lớn và cuộc đua lãi suất huy động chưa xảy ra. Tỷ lệ giao dịch của NGĐT cá nhân cũng liên tục tăng lên so với hồi Q1. Khả năng cao là các khoản tiền gửi hồi cuối năm 2022 có kỳ hạn đến 6 tháng đã tái đầu tư vào TTCK trong 2-3 tháng gần đây.

Đợt cắt giảm lãi suất lần gần nhất cũng đã đưa mức trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng về mức 4,75%/năm, giảm từ mức 6%/năm vào tháng 10-2022. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cũng được các TCTD điều chỉnh giảm từ 20 – 50 điểm cơ bản so với tháng trước. So với tháng 12-2022, mặt bằng chung của mức giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-12 tháng là hơn 1 điểm phần trăm, cá biệt ở một số ngân hàng tư nhân lớn như TCB, VPB ghi nhận mức giảm hơn 2 điểm phần trăm. Trong giai đoạn nửa cuối năm, các khoản tiền gửi kỳ hạn 9-12 tháng sẽ đáo hạn và khả năng cao sẽ tìm kiếm các kênh đầu tư có lợi suất hấp dẫn hơn, trong đó có TTCK.

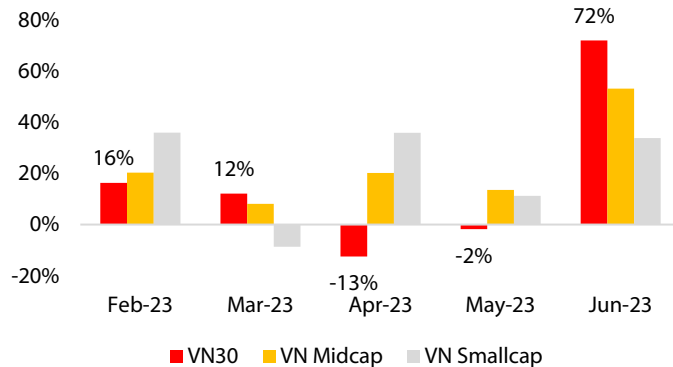
Dòng tiền trong tháng Sáu cũng đã bắt đầu hướng đến nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi một vài cái tên thuộc nhóm này được dự báo sẽ có mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến hoặc cải thiện rõ rệt so với quý trước trong mùa báo cáo sắp tới như VCB, STB, MBB, SSI, HPG. Qua đó, thị trường đã bứt phá khỏi kênh dao động đi ngang kể từ đầu năm nay. Trong khi đó, phần lớn các cổ phiếu thuộc chỉ số VN30 vẫn duy trì xu hướng đi ngang. Thực tế này cùng với kỳ vọng về sự tăng lên của thanh khoản hạn chế sự sụt giảm mạnh của thị trường trong tháng Bảy.

Hình 16: Thanh khoản tăng đột biến trong tháng Sáu



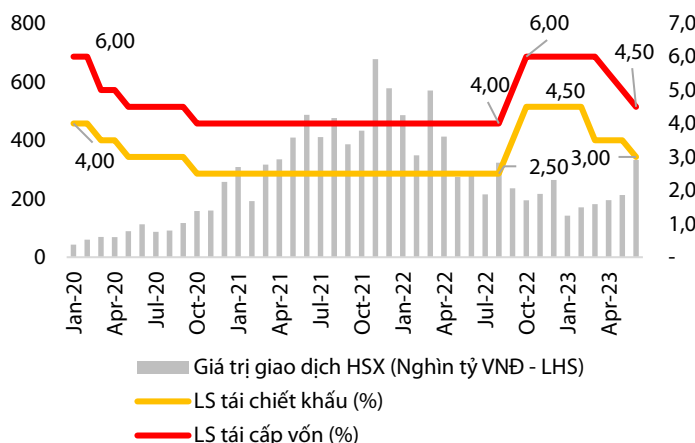
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 17: Dòng tiền bắt đầu chú ý tới nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn: Thanh khoản MoM %



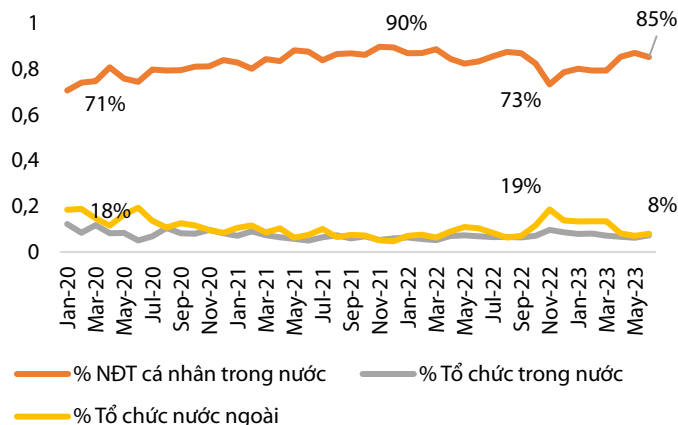
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 18: Tương quan lãi suất điều hành và giá trị giao dịch HSX kể từ 2020



Nguồn: SBV, Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 19: Tỷ lệ giao dịch của khối NĐT cá nhân trong nước đang tăng trở lại



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bức tranh lợi nhuận Q2-2022 vẫn còn ảm đạm

Trong kịch bản cơ sở cho dự báo LN quý 2, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng toàn thị trường giảm 4% YoY.

Trong đó, tăng trưởng lợi nhuận của ngành Ngân hàng, trụ cột chính của thị trường, sẽ cải thiện lên mức 10% YoY so với mức -3% YoY trong quý 1, nhờ vào sự dẫn dắt của VCB, MBB, và STB. Ngành dịch vụ tài chính nhiều khả năng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng 20% YoY nhờ VHM (nền thấp cùng kỳ năm ngoái) và lợi nhuận cao của nhóm Chứng khoán nhờ diễn thuận lợi của TTCK. Ngành CNTT và Dược phẩm vẫn là điểm sáng trong quý này với mức tăng trưởng dự báo bền bỉ từ 20%-25% YoY, dẫn dắt bởi FPT, DHG, DBD, IMP. LN ngành Dầu khí dự kiến sẽ chuyển từ lỗ của Q2-2022 sang lãi trong kỳ này. Chúng tôi cũng kỳ vọng ngành DV Tiêu dùng có diễn biến tương tự chủ yếu bởi kỳ vọng HVN bắt đầu có lãi ròng từ Q2 năm nay, trong khi sự khó khăn của nhóm bán lẻ vẫn sẽ tiếp diễn trong kỳ này.

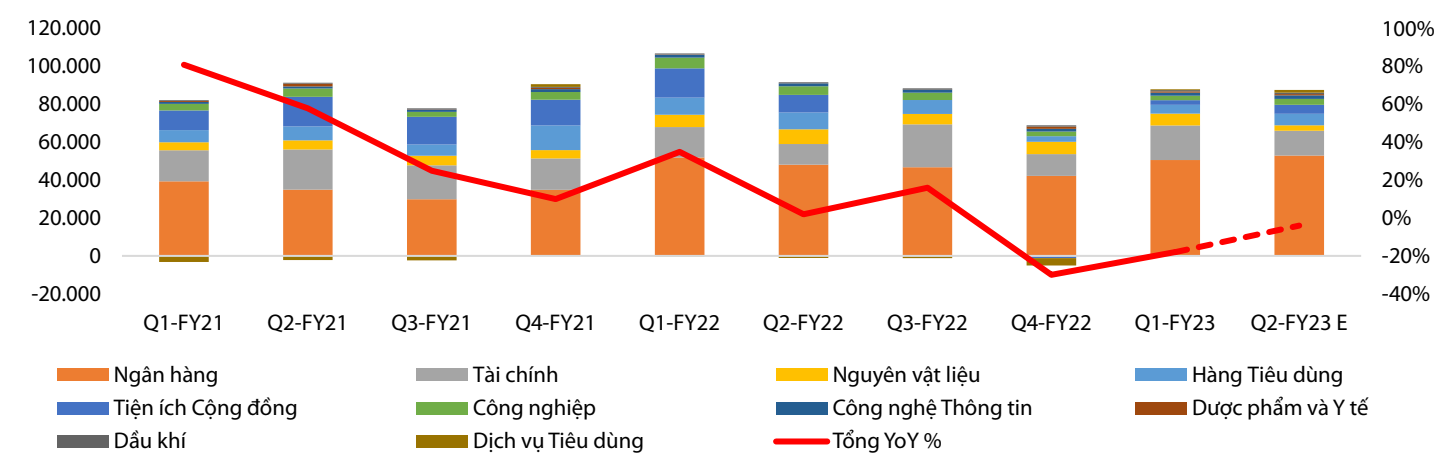
Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp sản xuất trong ngành Nguyên vật liệu (Thép, Hóa chất, Phân bón, Cao su), Hàng tiêu dùng (Dệt may, Thủy sản), Tiện ích (Khí), Công nghiệp (Cảng biển, Xây dựng) sẽ tiếp tục tăng trưởng âm hai chữ số trong quý này với mức giảm dao động từ -20% YoY tới -70% YoY.

Bảng 5: Phân tích độ nhạy của tăng trưởng LNST Q2-2023 sàn HSX

Ngành cấp 1	LNST Q2-2022 (tỷ VNĐ)	Tỷ trọng LN Q2-2022	Q2-2023 E YoY %			LNST Q2-2023 E (tỷ VNĐ)	KB Cơ sở QoQ %	KB Cơ sở TTM YoY %
			KB Tiêu cực	KB Cơ sở	KB Tích cực			
Ngân hàng	48,204	53%	5%	10%	15%	53,024	5%	17%
Tài chính	10,943	12%	10%	20%	30%	13,132	-28%	7%
Nguyên vật liệu	9,376	10%	-80%	-70%	-50%	2,813	16%	-92%
Hàng Tiêu dùng	8,810	10%	-50%	-30%	-10%	6,167	31%	-42%
Tiện ích Cộng đồng	7,771	9%	-50%	-40%	-30%	4,663	-25%	-4%
Công nghiệp	4,572	5%	-40%	-30%	-20%	3,200	34%	-29%
Công nghệ Thông tin	1,497	2%	15%	19%	25%	1,781	15%	8%
Dược phẩm và Y tế	580	1%	15%	25%	35%	725	6%	29%
Dầu khí	-87	0%	n.a	-950%	n.a	740	8%	205%
Dịch vụ Tiêu dùng	-972	-1%	n.a	-250%	n.a	1,458	213%	41%
Tổng cộng	90,694	100%	-15%	-4%	3%	87,703	0%	-10%

Nguồn: CTCK Rồng Việt

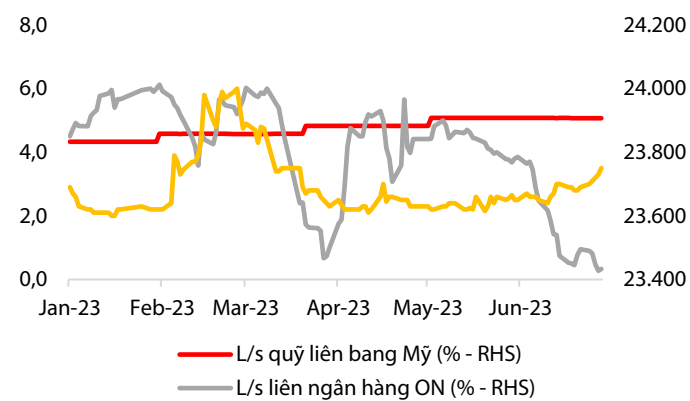
Hình 20: Bức tranh lợi nhuận ròng (nghìn tỷ đồng) sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

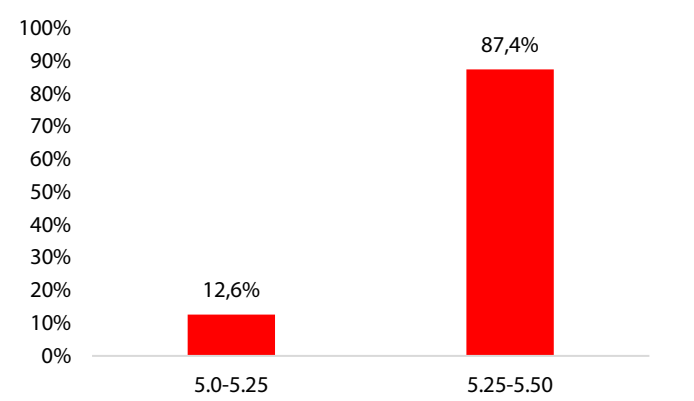
Rủi ro giảm của thị trường trong tháng nhiều khả năng sẽ bị chi phối bởi (1) diễn biến bất lợi của tỷ giá, trong bối cảnh chênh lệch lãi suất qua đêm của đồng VNĐ và USD đang rất lớn và khả năng cao Fed sẽ tiếp tục nâng mức lãi suất quỹ liên bang thêm 25 bps trong kỳ họp ngày 24/7 này khi chỉ số lạm phát lõi (Core PCE) của Mỹ trong tháng Năm vẫn chưa giảm như kỳ vọng (4.6% so với tháng trước là 4.7%), và (2) lợi nhuận của một số cổ phiếu vốn hóa lớn không đạt kỳ vọng.

Hình 21: Chênh lệch lãi suất qua đêm VND và USD đang tạo áp lực lên tỷ giá



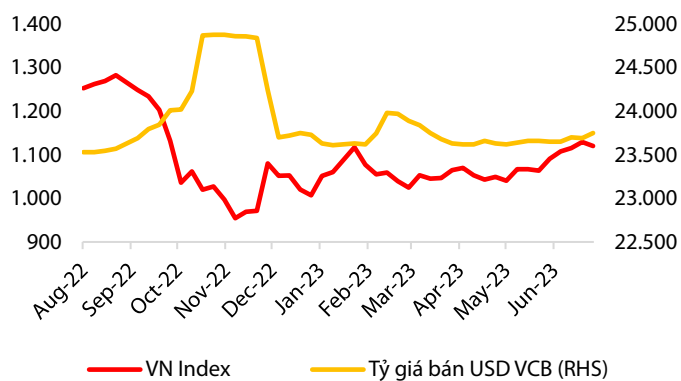
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 22: Thị trường đang kỳ vọng cao về việc Fed sẽ tăng lãi suất 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 7 tới



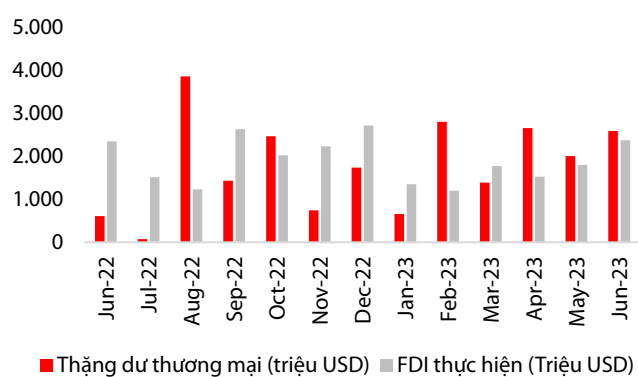
Nguồn: CME FedWatch Tool, CTCK Rồng Việt, tại ngày 3/7/2023

Hình 23: Thị trường phản ứng tiêu cực với biến động mạnh của tỷ giá trong hồi tháng 10-2022 và tháng 2-2023



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 24: Luồng ngoại hối từ thặng dư thương mại và FDI có thể phần nào giảm áp lực mất giá của VNĐ



Nguồn: Tổng cục hải quan, GSO, CTCK Rồng Việt

Linh hoạt theo diễn biến dòng tiền

TTCK tháng Sáu diễn biến tích cực như kỳ vọng, mặc dù xét về mặt điểm số, VNIndex đang cho thấy ý chí muốn chinh phục vùng điểm cao hơn mức đỉnh thiết lập vào đầu năm, nhờ vào sự tích cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Mặc dù vậy, như quan điểm đã đưa ra trong Báo cáo Chiến lược tháng Sáu, chúng tôi cho rằng sự tích cực trên diễn ra trên nền khá nhiều thông tin hỗ trợ, trong khi bức tranh vĩ mô nhìn chung vẫn chưa có nhiều điểm tích cực. Do vậy, chúng tôi kỳ vọng NGĐT đã có thể tái cơ cấu danh mục thành công, với việc giảm tỷ trọng nhóm cổ phiếu có hệ số beta cao và đã liên tục tăng giá từ đầu năm mà KQKD ngắn hạn dự kiến chưa có nhiều khởi sắc. Chúng tôi tin rằng nhà đầu tư sẽ có cơ hội tích lũy trở lại những nhóm cổ phiếu này với mức giá tốt hơn trong các nhịp biến động sắp tới của thị trường.

Trong BCCL tháng Sáu, chúng tôi cũng đồng thời khuyến nghị quý NGĐT tích lũy các cổ phiếu đầu ngành thuộc nhóm VN30 và VNMID cho mục tiêu đầu tư trung – dài hạn (là những cổ phiếu thuộc danh sách cổ phiếu ưa thích cho năm 2023 (Bảng 8) và đề xuất một số ý tưởng đầu tư ngắn hạn nhằm đón đầu KQKD Q2 tích cực, bao gồm Điện (HND, QTP), Ngân hàng (ACB, MBB), dệt may (STK), dầu khí (PVD), và hàng không (ACV). Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm này. Câu chuyện về KQKD Q2/2023 sẽ tiếp tục sôi động trong tháng Bảy khi các thông tin ước tính và chính thức lần lượt được công bố. Trong tháng Bảy, chúng tôi bổ sung thêm hai ý tưởng đầu tư mới, thuộc nhóm ngành hàng tiêu dùng và ngân hàng, là VNM và OCB.

Bảng 6: Một số ý tưởng giao dịch ngắn hạn

Mã	Sàn	VHTT (tỷ)	KLKLTB 3 tháng (ngàn CP)	Giá đóng cửa	GMT	PE hiện tại	PE fwd 2023	Vùng mua khuyến nghị	Nhận định
VNM	HOSE	148.387	2.627	70.700	81.100	18,3	18,7	68-69	Trong Q2/2023, ước tính doanh thu đạt 15.703 tỷ đồng (+12,8% QoQ và +5,2% YoY) nhờ tăng trưởng sản lượng ở cả kênh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Biên LNG cải thiện nhẹ nhờ giá vốn NVL giảm, song chi phí bán hàng tăng khiến mức tăng của LNST chậm hơn so với mức tăng về doanh thu. LNST Q2 theo đó ước đạt 2.110 tỷ đồng (+13,6% QoQ và +1,3% YoY).
OCB	HOSE	25.069	1.063	18.350	22.600	6,9	8,3	17.5-18	Ước tính tăng trưởng tín dụng đạt 6% YTD trong 6T2023. Tổng thu nhập lãi theo đó ước tăng trưởng 7% YoY. Do không còn lỗ từ kinh doanh trái phiếu, tổng TNHĐ ước đạt 2.342 tỷ đồng (+12% QoQ và 30% YoY). LNST Q2/2023 ước đạt 1.036 tỷ đồng (+32% QoQ và +43,4% YoY).
MBB	HOSE	91.587	8.969	20.200	22.000	5,1	4,4	19.5-20	Khuyến nghị trong tháng Sáu. Tiếp tục nắm giữ. Với mức tăng trưởng tín dụng dự kiến hơn 8% YTD trong 6T2023 và chi phí DPRR tín dụng giảm nhẹ, chúng tôi ước tính LNTT Q2 2023 của MBB có thể đạt 8.300 tỷ (+38% YoY, +27% QoQ).
PVD	HOSE	13.619	4.889	24.850	26.800	517,9	40,2	22-23	Trong Q2/2023, dự kiến giá cho thuê giàn trung bình cải thiện lên 75000 USD/ngày và không còn trích lập dự phòng cho Kris Energy. LNTT dự kiến đạt 100 tỷ (+59% QoQ).
STK	HOSE	2.414	55	29.300	32.500	13,8	9,3	28-29	Khuyến nghị trong tháng Sáu. Tiếp tục nắm giữ. KQKD Q2/2023 dự kiến với doanh thu đạt 420 tỷ đồng (+46% QoQ, -20% YoY so với mức nền cao của Q2/2022). LNST tương ứng ước đạt 33 tỷ đồng (21x QoQ, -50% YoY).
ACV	UpCom	160.376	24	75.565	96.600	20,4	22,6	72-75	Khuyến nghị trong tháng Sáu. Tiếp tục nắm giữ. Chúng tôi kỳ vọng lượng khách quốc tế sẽ tăng trưởng mạnh trong Q2, bù đắp cho sự sụt giảm của khách nội địa, giúp tổng lượng khách hàng không tăng nhẹ 4% YoY. Doanh thu ước đạt khoản 5,37 ngàn tỷ (+13% QoQ và 56% YoY). Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính ước đạt 3.195 tỷ đồng (+36% QoQ và 161% YoY). Biến động về tỷ giá sẽ là ẩn số đối với tổng LNST, khi mà đồng JPY theo giá niêm yết của

Vietcombank đã giảm 8% QoQ. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi ước tính đồng JPY, theo hạch toán của Bộ Tài chính, đã giảm 2,8% QoQ giúp ACV ghi nhận lãi tỷ giá chưa thực hiện là 470 tỷ đồng. LNST Q2 theo đó ước đạt 3.229 tỷ (+98% QoQ và +26% YoY).

Nguồn: CTCK Rồng Việt | Thị giá tại ngày 2/6/2023

Bảng 7: Hiệu quả khuyến nghị giao dịch ngắn hạn trong tháng

Mã	VHTT (tỷ đồng)	KLKLBQ 3 tháng	Giá đóng cửa (đồng)	GMT (đồng)	PBR (x)	PER (x)	Ngày mua	Giá mua (đồng)	Ngày bán	Giá bán (đồng)	Hiệu quả khuyến nghị
Hiệu quả khuyến nghị tháng Tư (*)											22,7%
Hiệu quả khuyến nghị tháng Năm (*)											13,0%
Hiệu quả khuyến nghị tháng Sáu (*)											12,8%
ACB	85.643	6.914.112	22.050	25.200	1,4	5,9	19/04/2023	20.261	27/06/2023	22.500	11,1%
MWG	63.348	2.836.896	43.000	52.400	2,6	23,7	24/05/2023	38.000	26/06/2023	44.000	15,8%
STK	2.414	55.247	29.300	32.500	1,6	13,8	6/03/2023	25.700	8/06/2023	29.900	16,3%
KDH	22.078	1.971.955	30.400	38.000	1,9	21,9	7/04/2023	28.000	23/06/2023	31.500	12,5%
GMD	15.642	758.106	52.600	58.600	2,2	16,9	27/02/2023	48.800	26/06/2023	52.900	8,4%

Nguồn: CTCK Rồng Việt | Thị giá tại ngày 3/7/2023 | Hiệu quả khuyến nghị theo tháng là bình quân giản đơn hiệu quả đầu tư các cổ phiếu đã có thể khớp mua các tháng trước và khớp bán trong tháng hiện tại. Các cổ phiếu được đầu tư là các cổ phiếu khuyến nghị theo tháng, hoặc cổ phiếu thuộc danh mục ưa thích cho trung – dài hạn của Rồng Việt.

Bảng 8: Cổ phiếu ưa thích cho danh mục đầu tư trung – dài hạn

Mã	VHTT (tỷ đồng)	KLKLBO 3 tháng	Giá đóng cửa (đồng)	GMT (đồng)	PBR (x)	PER (x)	Kết quả giao dịch trong tháng				Khuyến nghị tháng 7/2023			Nhận định
							Ngày mua	Giá mua (đồng)	Ngày bán	Giá bán (đồng)	Hiệu quả khuyến nghị	Vùng mua xem xét (k. đồng)	Vùng chốt lời khuyến nghị (k. đồng)	
CTG	141.770	3.734.854	29.250	29.300	1,3	8,3	12/06/2023	28.000			4,5%	27.5-28.5	30-31	
GEG	5.280	1.795.763	16.150	15.700	1,2	23,4	16/06/2023	16.000			0,9%	15.5-16	17-18	
HPG	152.057	19.755.967	26.200	20.950	1,6	229,0	5/06/2023	21.700			20,7%	24-25	27-28	
PC1	7.221	1.892.215	26.300	28.900	1,4	21,8	19/06/2023	27.000			-2,6%	25-26	28-29	
QTP	7.603	828.132	17.009	0	1,3	13,4	5/06/2023	16.000			6,3%	16-16.5	18-19	
VPB	133.257	11.803.473	19.850	26.000	1,3	11,0	25/04/2023	19.400			2,3%	18.5-19.5	21.5-22.5	
PNJ	24.600	593.084	74.000	93.000	2,7	14,0	29/03/2023	76.300			-3,0%	70-72	76-78	
VNM	148.387	2.626.568	70.700	81.100	4,7	18,3	27/04/2023	70.000			1,0%	68-69	74-76	
ACB	85.643	6.914.112	22.050	25.200	1,4	5,9	19/04/2023	20.261	27/06/2023	22.500,0	11,1%	21-21.5	23-24	NĐT ngắn hạn hiện thực hóa lợi nhuận trong tháng 6/2023. Có thể chờ mua lại trong các nhịp điều chỉnh sắp tới.
MWG	63.348	2.836.896	43.000	52.400	2,6	23,7	24/05/2023	38.000	26/06/2023	44.000	15,8%	40-42	45-48	NĐT ngắn hạn hiện thực hóa lợi nhuận trong tháng 6/2023. Có thể chờ mua lại trong các nhịp điều chỉnh sắp tới.
STK	2.414	55.247	29.300	32.500	1,6	13,8	6/03/2023	25.700	8/06/2023	29.900	16,3%	28-29	31-32	NĐT ngắn hạn hiện thực hóa lợi nhuận trong tháng 6/2023. Có thể chờ mua lại trong các nhịp điều chỉnh sắp tới.
KDH	22.078	1.971.955	30.400	38.000	1,9	21,9	7/04/2023	28.000	23/06/2023	31.500	12,5%	29-30	32-34	NĐT ngắn hạn hiện thực hóa lợi nhuận trong tháng 6/2023. Có thể chờ mua lại trong các nhịp điều chỉnh sắp tới.
GMD	15.642	758.106	52.600	58.600	2,2	16,9	27/02/2023	48.800	26/06/2023	52.900	8,4%	48-50	56-60	NĐT ngắn hạn hiện thực hóa lợi nhuận trong tháng 6/2023. Có thể chờ mua lại trong các nhịp điều chỉnh sắp tới.
PVD	13.619	4.888.653	24.850	26.800	1,0	517,9						22-23	25.5-26.5	
VCB	473.252	682.059	100.000	107.000	3,3	15,3						94-96	105-110	
FPT	94.973	757.127	86.400	95.900	4,2	17,0						83-84	88-90	
MBB	91.587	8.968.903	20.200	22.000	1,1	5,1						19.5-20	21.5-22	
NLG	12.675	2.649.119	32.500	35.800	1,4	22,1						29-31	36-37	
QNS	17.079	599.952	48.866	47.000	2,3	12,0						45-46	50-53	
DBD	3.723	98.384	50.200	52.600	2,6	14,3						46-48	51-53	
KBC	22.529	8.712.196	29.800	31.000	1,3	10,0						27.5-28.5	32-34	
FMC	2.779	48.195	44.200	43.000	1,4	8,9						41-42	46-47	
HSG	10.133	14.103.679	16.400	17.200	1,0	-9,6						15-15.5	17-18	
LHG	1.330	174.358	26.700	33.000	0,8	6,5						25.5-26	29-30	
PVT	7.493	2.996.664	23.200	23.700	1,2	8,6						21-22	24.5-25.5	
ACV	160.376	23.540	75.565	96.600	3,6	20,4						72-75	80-84	

Nguồn: CTCK Rồng Việt | Giá đóng cửa tại ngày 3/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @4/7/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
VPB	HOSE	5.623	26.000	19.850	31%	Mua	30,5	55,1	5,5	-1,3	8,4	12,7	7,7	6,6	1,3	0,0	2,3	12.498,9	0,5
LHG	HOSE	56	33.000	26.650	31%	Mua	-19,5	-31,7	10,4	42,4	17,0	28,5	4,9	3,8	0,8	7,1	-12,9	196,9	32,9
PNJ	HOSE	1.024	93.000	74.000	28%	Mua	73,3	75,6	-2,8	-1,1	12,3	22,2	13,6	12,5	2,6	2,7	-21,3	2.560,1	0,2
ACV	UPCOM	6.941	96.600	75.858	27%	Mua	191,1	801,8	38,4	2,0	27,6	38,4	22,7	16,4	3,7	0,0	-3,6	79,2	45,2
KDH	HOSE	919	38.000	30.400	25%	Mua	-22,1	-10,2	-9,0	2,0	102,7	66,9	19,7	16,0	1,9	0,0	-13,9	2.948,7	10,8
OCB	HOSE	1.061	22.600	18.400	23%	Mua	-4,3	-20,3	7,3	-5,4	12,5	23,2	8,4	6,7	1,0	0,0	7,6	1.498,8	0,9
MWG	HOSE	2.654	52.400	43.250	22%	Mua	8,5	-16,3	-9,0	-54,9	12,8	102,2	34,3	16,9	2,6	1,2	-38,8	6.532,6	0,0
VNM	HOSE	6.235	81.100	70.600	20%	Mua	-1,6	-19,1	4,3	2,9	5,0	11,2	18,7	16,8	5,0	5,5	1,0	8.726,2	46,1
REE	HOSE	1.124	77.000	65.400	19%	Tích lũy	61,3	45,0	-12,0	-1,3	17,8	18,7	8,8	7,4	1,7	1,5	-11,5	1.832,5	0,0
HDB	HOSE	1.958	21.800	18.550	18%	Tích lũy	31,1	28,0	17,2	15,0	27,3	51,7	4,3	2,8	1,2	0,0	-0,8	5.231,1	1,8
MSH	HOSE	112	40.000	36.000	17%	Tích lũy	16,3	-23,7	-6,8	6,9	9,7	13,4	7,7	6,8	1,6	5,6	-21,3	140,2	45,5
HAX	HOSE	59	17.500	15.650	15%	Tích lũy	22,0	49,5	-2,2	-1,4	2,7	8,1	4,8	4,4	1,3	3,2	19,4	879,1	38,4
ACB	HNX	3.614	25.200	22.000	15%	Tích lũy	22,2	42,5	8,0	9,0	25,2	30,4	5,0	4,6	1,4	0,0	9,8	7.577,0	0,0
HND	UPCOM	331	16.800	15.714	13%	Tích lũy	16,4	25,3	4,8	70,3	0,9	22,2	8,6	7,4	1,2	6,4	5,8	16,1	49,0
GMD	HOSE	669	58.600	53.500	13%	Tích lũy	22,1	62,5	-4,8	142,8	6,9	-73,1	6,7	21,6	2,2	3,7	4,9	1.884,8	1,6
FPT	HOSE	4.026	95.900	87.000	13%	Tích lũy	23,4	22,1	20,8	19,3	18,9	25,9	15,2	12,0	4,2	2,3	-0,7	4.152,9	0,0
MSN	HOSE	4.529	85.000	75.600	12%	Tích lũy	-14,0	-58,3	2,8	-61,5	2,8	91,0	78,5	41,1	4,1	0,0	-30,6	6.087,6	18,9
KBC	HOSE	965	31.000	29.800	11%	Tích lũy	-77,5	97,8	849,4	164,9	-10,0	-15,0	5,6	6,6	1,3	6,7	-8,5	10.219,9	29,6
BID	HOSE	9.498	48.600	44.000	11%	Tích lũy	11,4	72,6	7,9	10,5	14,0	1,4	14,8	14,6	2,1	0,2	27,0	1.781,3	12,9
NLG	HOSE	527	35.800	33.000	10%	Tích lũy	-16,6	-48,1	0,0	-3,8	123,5	70,8	24,6	14,0	1,4	1,5	-8,3	3.786,1	6,4
IMP	HOSE	177	68.500	63.400	10%	Tích lũy	29,8	23,7	28,3	48,0	12,6	14,9	14,4	12,5	2,1	1,6	5,9	21,6	25,4
STK	HOSE	101	28.800	26.300	10%	Tích lũy	3,5	-13,7	5,6	7,7	23,0	12,7	8,3	7,4	1,6	0,0	-32,8	75,4	83,7
PC1	HOSE	300	28.900	26.600	9%	Tích lũy	-15,2	-35,3	21,2	47,6	5,4	40,4	12,0	8,6	1,4	0,0	-24,4	2.321,0	43,1
DBD	HOSE	159	52.600	50.300	9%	Tích lũy	-0,2	29,0	10,9	19,7	8,0	7,9	12,9	12,0	2,6	4,0	28,3	287,8	89,8
MBB	HOSE	3.864	22.000	20.350	8%	Tích lũy	23,4	37,7	7,5	11,9	34,3	50,5	4,4	3,5	1,1	0,0	2,7	8.129,4	0,0
PHR	HOSE	271	49.000	48.400	7%	Tích lũy	-12,2	85,7	-5,6	-37,1	4,7	-29,6	11,7	16,7	1,8	6,2	-20,0	1.127,7	33,8
VCB	HOSE	19.968	107.000	100.000	7%	Tích lũy	20,0	36,4	3,6	-9,7	27,1	51,6	17,6	14,1	3,3	0,0	35,1	3.510,2	6,5
TNG	HNX	92	20.200	19.300	7%	Tích lũy	24,5	25,8	-6,5	-6,2	23,4	-1,3	7,6	8,1	1,3	2,1	-28,4	1.670,0	30,1
SCS	HOSE	271	69.300	68.500	6%	Tích lũy	1,4	14,6	-13,0	-18,8	6,3	8,5	13,1	12,0	4,3	5,1	-16,5	124,1	20,3
PVD	HOSE	583	26.800	25.850	4%	Trung lập	35,9	-604,0	25,8	N/A	9,6	88,1	41,8	22,5	1,0	0,0	62,7	4.768,6	26,8

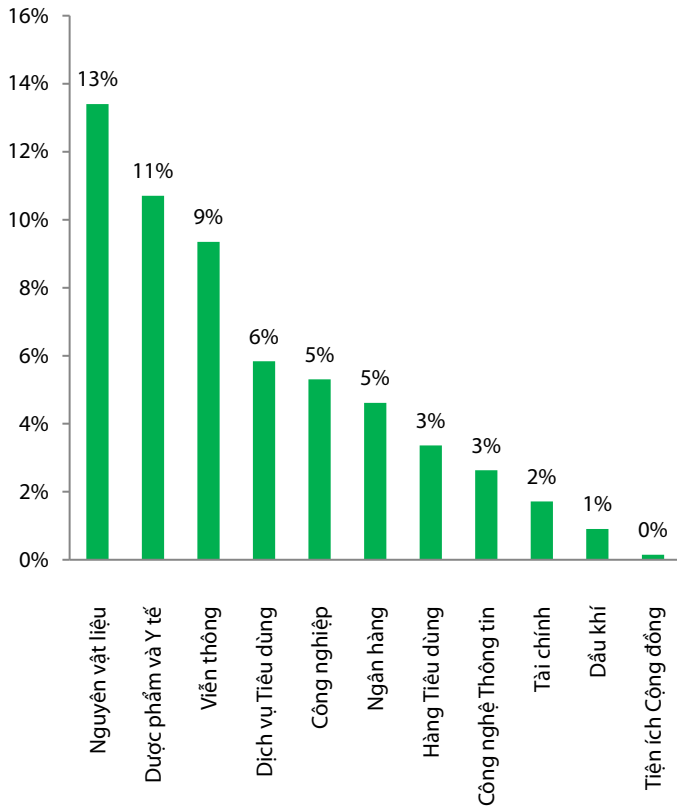


Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @4/7/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	±/ Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							±/ DT (%)	±/ LNST (%)	±/ DT (%)	±/ LNST (%)	±/ DT (%)	±/ LNST (%)							
HSG	HOSE	426	17.200	16.600	4%	Trung lập	2,0	-94,1	-38,8	N/A	6,2	N/A	-15,6	24,2	1,0	0,0	19,9	9.618,2	31,5
DPR	HOSE	107	58.000	59.000	3%	Trung lập	0,4	-44,4	-12,5	-7,7	3,1	19,4	9,6	9,6	1,1	5,1	-13,8	211,0	-2,5
TCB	HOSE	4.749	33.000	32.000	3%	Trung lập	10,3	11,6	15,9	3,7	11,5	29,9	5,4	4,2	1,0	0,0	-11,1	9.018,1	0,0
QNS	UPCOM	736	47.000	49.149	2%	Trung lập	12,6	2,5	10,7	20,8	2,2	-4,7	9,7	10,2	2,3	6,1	16,2	1.250,0	31,4
NT2	HOSE	361	29.400	30.400	2%	Trung lập	42,9	36,6	0,4	-1,8	9,5	31,7	12,5	9,5	1,9	4,9	24,9	842,4	33,3
DPM	HOSE	589	31.900	35.350	2%	Trung lập	45,7	79,2	-28,5	-69,5	-5,8	10,9	8,2	7,4	1,1	11,3	-13,7	3.419,9	34,2
FMC	HOSE	122	43.000	44.800	0%	Trung lập	9,7	15,2	11,0	16,1	5,8	12,0	8,2	7,3	1,5	4,5	-21,1	84,5	18,8
CMG	HOSE	295	46.800	46.700	0%	Trung lập	30,1	27,4	9,2	40,1	17,4	30,2	16,6	12,7	2,8	0,0	3,0	90,5	6,9
PVT	HOSE	317	23.700	23.650	0%	Trung lập	21,3	30,6	1,9	-8,1	4,4	2,0	10,3	10,1	1,2	0,0	13,2	2.710,8	33,8
CTG	HOSE	5.931	29.300	29.450	-1%	Trung lập	21,5	20,0	4,3	-0,3	11,1	26,1	12,0	8,0	1,3	0,0	8,5	5.724,5	2,8
GEG	HOSE	219	15.700	16.200	-1%	Trung lập	51,6	11,6	3,9	20,7	2,8	22,3	15,5	12,7	1,4	2,5	-32,7	1.279,3	3,3
DRC	HOSE	110	20.300	22.000	-1%	Trung lập	11,9	6,1	0,7	-10,2	1,8	15,9	10,0	8,7	1,4	6,4	-13,0	523,8	40,0
HAH	HOSE	135	45.200	46.200	-2%	Trung lập	63,9	86,1	-13,6	-36,6	2,2	-21,7	6,2	7,9	1,3	0,0	-36,0	2.998,5	44,2
PPC	HOSE	217	14.300	16.000	-5%	Giảm	32,3	72,4	40,5	45,7	25,5	25,0	12,4	11,0	1,0	5,6	-6,9	161,7	36,0
BFC	HOSE	45	15.600	18.000	-5%	Giảm	10,8	-35,0	-19,0	8,6	-17,4	-13,5	7,4	8,5	1,0	8,3	-9,3	168,5	48,4
HDG	HOSE	396	28.800	31.400	-8%	Giảm	-3,6	2,2	-1,1	11,9	-0,2	2,4	7,5	7,1	1,7	0,0	-16,1	2.049,9	25,4
ELC	HOSE	33	11.400	13.350	-12%	Giảm	31,0	-34,8	28,2	66,6	2,2	5,6	15,6	14,8	0,9	2,2	-0,7	192,4	45,1
VHC	HOSE	538	57.500	71.000	-16%	Giảm	46,0	80,0	-19,7	-33,8	9,6	18,0	9,9	10,1	1,7	2,8	-20,7	1.677,2	68,7
FRT	HOSE	409	60.500	72.800	-17%	Giảm	34,1	-12,0	4,9	-98,0	22,4	5.037,5	1.255,2	24,2	4,8	0,0	-7,1	2.422,6	16,0
PVS	HNX	670	27.800	34.600	-18%	Giảm	15,6	28,5	20,2	2,8	14,0	29,2	23,1	17,9	1,3	2,0	40,1	7.733,2	28,3
VSC	HOSE	182	29.200	37.000	-18%	Giảm	6,1	-10,2	-1,7	-56,4	4,6	52,6	36,0	23,6	1,6	2,7	-11,8	2.023,3	45,9
HPG	HOSE	6.428	20.950	26.250	-20%	Bán	-5,5	-75,4	-23,8	3,3	27,3	73,4	18,5	10,7	1,6	0,0	17,0	19.799,6	23,3
TCM	HOSE	195	39.800	56.500	-29%	Bán	22,7	96,0	-7,1	-6,2	8,0	38,4	19,7	20,4	2,4	0,9	23,2	1.321,2	1,8

Nguồn: CTCK Rồng Việt; dữ liệu tại ngày 4/7/2022

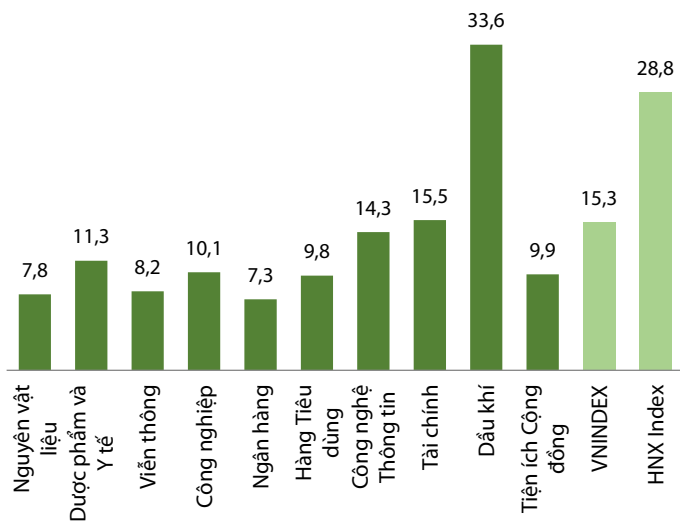
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



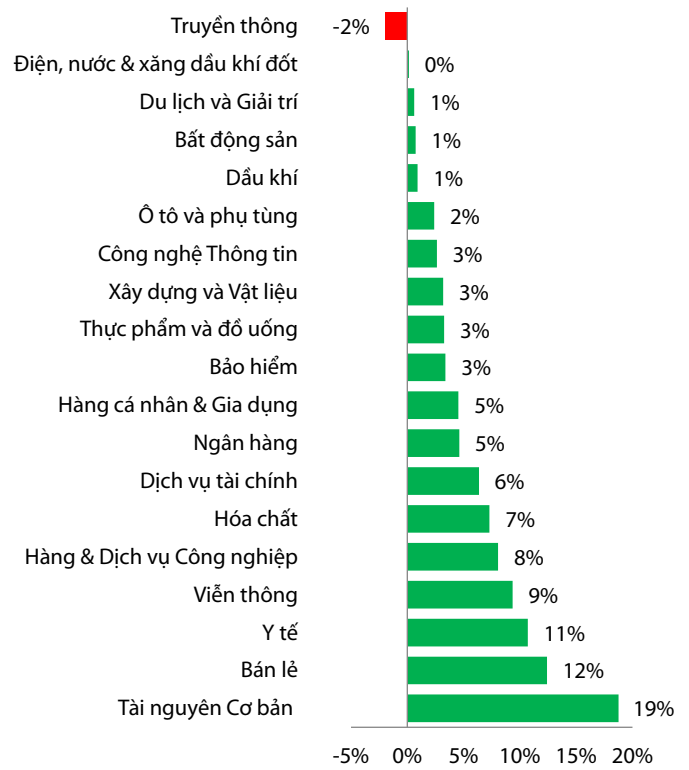
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



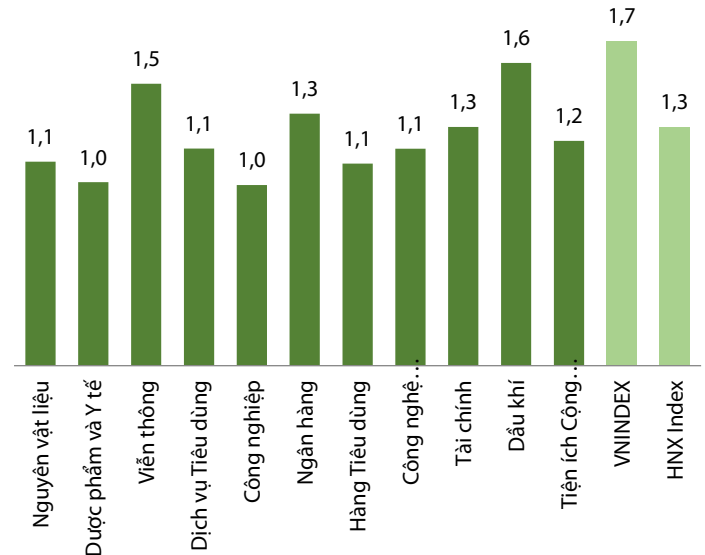
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam
Head of Research
 lam.ntp@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1313)

Trần Hà Xuân Vũ
Senior Manager
 vu.thx@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1512)
 • Dầu khí
 • Phân bón

Đỗ Thanh Tùng
Manager
 tung.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1521)
 • Hàng không
 • Logistics
 • Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An
Senior Analyst
 an.ntn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1541)
 • Thực phẩm & Đồ uống
 • Ô tô & Phụ tùng

Đỗ Thạch Lam
Senior Analyst
 lam.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006
 • Bất động sản

Lê Tự Quốc Hưng
Analyst
 hung.ltq@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1546)
 • Thị trường
 • BĐS Khu công nghiệp

Nguyễn Hồng Loan
Analyst
 loan.nh@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1531)
 • Bán lẻ
 • Thủy sản
 • Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Đặng Chính
Analyst
 chinh.nd@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006
 • Ngân hàng

Cao Ngọc Quân
Analyst
 quan.cn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (2223)
 • Cảng biển
 • Dược

Trịnh Thị Thu Hoài
Analyst
 hoai.ttt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1545)
 • Dệt may
 • Tiện ích công cộng

Trần Thị Hà My
Senior Consultant
 my.tth@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006
 • Kinh tế vĩ mô

Bernard Lapointe
Senior Consultant
 bernard.lapointe@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006

Nguyễn Hà Trinh
Senior Consultant
 trinh.nh@vdsc.com.vn
 • + 84 28 6299 2006

Trần Thị Ngọc Hà
Assistant
 ha.ttn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)

Bùi Đặng Cát Khánh
Assistant
 khanh.bdc@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2023.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 **E** info@vdsc.com.vn
F (+84) 28 6291 7986 **W** www.vdsc.com.vn

MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Toà nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006

